

Số: 10 /KH-THCSCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH
Về việc tổ chức kiểm tra giữa học kỳ 2
của Trường THCS Chánh Phú Hòa
năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 94/PGDĐT-GDTrH ngày 22/01/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Bến Cát về việc hướng dẫn kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ 2 năm học 2023-2024.

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, trường THCS Chánh Phú Hòa xây dựng kế hoạch về việc tổ chức kiểm tra giữa học kỳ 2 của Trường THCS Chánh Phú Hòa năm học 2023-2024, nội dung cụ thể như sau:

I/. Mục đích

Đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục THPT

Đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ bằng điểm số kết hợp với nhận xét; Kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh.

Thực hiện nghiêm túc, thân thiện, nhẹ nhàng, khách quan

Ban giám hiệu chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, tuyên truyền thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh.

II/. Cách thức thực hiện

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 và khung thời gian năm học 2023-2024, các giáo viên bộ môn (đính kèm danh sách phân công) thống nhất ra đề kiểm tra giữa kỳ 2 từ ngày 15/01/2024 đến tuần kiểm tra (tuần 25). Giáo viên lên kế hoạch cụ thể tổ chức ôn tập cho học sinh để kiểm tra giữa học kỳ II năm học 2023 - 2024 đạt kết quả cao. Đề kiểm tra giáo viên bộ môn dựa trên ma trận, đặc tả của đề đáp ứng mức độ cần đạt được của môn học quy định trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GDĐT ban hành, nội dung, thời lượng và hình thức bài kiểm tra giữa kỳ 2 đối với các môn phù hợp với thời lượng bài kiểm tra định kỳ (từ 45 phút đến 90 phút).

III/. Tổ chức kiểm tra giữa kỳ 2.

1. Tổ chức:

1.1. Các môn kiểm tra giữa kỳ 2

- Khối 6,7,8: Ngữ văn, Toán, anh, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, GDCD, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, Giáo dục địa phương.

- Khối 9: Ngữ văn, Toán, Tiếng anh, Vật lý, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GDCD, Công nghệ, Hóa học, Thể dục

Giáo viên được phân công gửi đề kiểm tra về TTCM kiểm duyệt vào ngày 01/3/2024, TTCM gửi về phó HT phụ trách chuyên môn file Word vào email: tiendqthscsph@bc.sgdbinhduong.edu.vn chậm nhất trước ngày 5/03/2024.

1.2. Hình thức ra đề kiểm tra:

- **Khối 6,7,8:** các môn ra đề kiểm tra thực hiện ma trận bản đặc tả theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận gồm

* Môn Toán 6,7,8: Tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận (PL1)

* Môn Khoa học tự nhiên 6,7,8: Tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận (PL 2)

* Môn Ngữ văn 6,7,8: Tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận (PL 3)

* Môn Lịch sử và Địa lí 6,7,8: Tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận (PL 4)

* Môn Tiếng Anh 6,7,8: Tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận (PL 5)

* Môn Tin học 6,7,8: Tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận (PL 6)

* Môn Công nghệ 6,7,8: Tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận (PL 7)

* Môn GDCD 6,7,8: Tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận (PL 8)

- Thời lượng đề kiểm tra:

Khối 6,7,8:

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập). **Môn Ngữ văn, Toán: 90 phút;** các môn còn lại 60 phút. Riêng môn Công nghệ, GDCD, HĐTN-HN thời gian làm bài 45 phút.

Riêng môn Tiếng anh kỹ năng nói sẽ kiểm tra ở cuối HK2

Khối 9:

- Các môn **Ngữ văn, Toán, Sử, Địa** theo hình thức tự luận. Các môn còn lại ra đề kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận (Tự luận 70% và TNKQ 30% (12 câu)).

Ngữ văn, Toán: 90 phút; các môn còn lại 60 phút. Riêng môn Công nghệ, GDCD thời gian làm bài 45 phút

1.2.2 Nội dung đề kiểm tra phải đảm bảo yêu cầu

+ Dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông: kiểm tra kiến thức cơ bản trong phạm vi môn học, vừa sức học sinh (bắt đầu từ ngày 15/01/2024 đến tuần tổ chức kiểm tra đối với từng khối lớp).

+ Dựa trên ma trận đề, bảng đặc tả phải đảm bảo tính khoa học, chính xác và trọng tâm chương trình, đảm bảo các mức độ cần đạt của môn học. Lời văn câu chữ rõ ràng, không sai sót.

+ Phân loại được trình độ học sinh và đánh giá đúng thực chất quá trình dạy, tránh trường hợp tiêu cực trong khâu ra đề, coi kiểm tra, chấm kiểm tra.

1.2.3 Trước khi kiểm tra giữa kỳ 2

+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thông báo đến học sinh về kế hoạch ôn tập và lịch tổ chức kiểm tra chậm nhất 1 tuần tính đến ngày kiểm tra.
+ Ra các quyết định phân công cán bộ, giáo viên ra đề, coi, chấm kiểm tra giữa kỳ 1.

+ Chuẩn bị đầy đủ và chu đáo về cơ sở vật chất để đảm bảo coi kiểm tra, chấm kiểm tra giữa kỳ 1 nghiêm túc.

+ Lập danh sách học sinh: Trộn theo thứ tự a, b, c trong khối rồi chia ra các phòng kiểm tra, số học sinh trong mỗi phòng tùy thuộc vào số phòng học hiện có.

+ Lớp 6 (13 lớp; 579 hs): chia ra 18 phòng, bình quân 32 hs/phòng

+ Lớp 7 (10 lớp; 400 hs): chia ra 14 phòng, bình quân 28 hs/phòng

+ Lớp 8 (7 lớp; 279 hs): chia ra 11 phòng bình quân 25 hs/phòng

+ Lớp 9 (8 lớp; 337 hs): chia ra 11 phòng, bình quân 30 hs/phòng

1.2.4. Trong kiểm tra giữa kỳ 1

+ Tổ chức coi kiểm tra bình thường, thực hiện chia phòng kiểm tra theo a, b, c... không gây căng thẳng nhưng phải thực hiện nghiêm túc, đảm bảo công bằng, xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp học sinh và giáo viên vi phạm quy chế kiểm tra giữa kỳ 1.

+ Quản lý đầy đủ và chặt chẽ các loại hồ sơ, bài kiểm tra không để xảy ra mất mát hoặc xảy ra các hiện tượng tiêu cực.

1.2.5/. **Nhiệm vụ cán bộ coi thi** (Thực hiện theo Công văn 537/SGDDT-KTQLCLGD ngày 28/3/2019 của Sở GDĐT Bình Dương).

1.2.6. Sau khi kiểm tra giữa kỳ 2.

+ **Làm phách:** Hiệu trưởng (hoặc phó Hiệu trưởng được ủy quyền) tổ chức đánh phách, cắt phách tất cả các bài kiểm tra các môn và bảo mật. Giao bài cho giáo viên chấm sau khi đã thống nhất hướng dẫn chấm bài kiểm tra giữa kỳ 2, BGH tổ chức hội phách, trả lại theo lớp và lên điểm.

+ **Thảo luận hướng dẫn chấm:** Các tổ, nhóm bộ môn nghiên cứu kỹ hướng dẫn chấm để thống nhất điểm chi tiết các ý, ghi biên bản thống nhất, lưu trữ biên bản này cùng với đề kiểm tra, hướng dẫn chấm theo qui định.

+ **Phân công chấm bài:** Mỗi bài kiểm tra do 01 giáo viên chấm; các bài kiểm tra của mỗi xấp, phòng được phân ngẫu nhiên cho các giáo viên bộ môn dạy cùng khối chấm bài.

+ **Chấm bài và ghi điểm:** Chấm bài bằng bút bi màu đỏ, ghi điểm chi tiết từng ý, từng câu trên bài làm của học sinh, gạch ngang những chỗ sai, có thể sửa chỗ sai, gạch "khóa" những chỗ trống, ghi điểm tổng của bài làm bằng số và bằng chữ, có chữ ký của giám khảo trên bài làm của học sinh.

+ **Lên điểm:** Thực hiện hội phách và lên điểm sau khi chấm xong. Bảng điểm được Hiệu trưởng (hoặc phó Hiệu trưởng được ủy quyền) quản lý.

+ **Trả bài kiểm tra:** Giáo viên dạy lớp phải trả và sửa bài kiểm tra cho học sinh sau khi đã lên điểm. Trường sẽ thu lại và lưu trữ các bài kiểm tra học kỳ theo quy định.

+ **Trả bài kiểm tra:** Giáo viên dạy lớp sửa bài kiểm tra cho học sinh sau khi đã lên điểm. Trường sẽ thu lại và lưu trữ các bài kiểm tra học kỳ trực tuyến theo quy định.

2/. Phân giáo viên ra đề kiểm tra giữa kỳ 2: (ra đề mỗi môn 2 bộ đề + đáp án danh sách kèm theo).

STT	Họ và Tên GV	Phân công ra đề	Ghi chú
1	Bùi Thị Thùy	Ngữ văn 9	Ra 1 đề
2	Nguyễn Thị Hồng Phượng		Ra 1 đề
3	Nguyễn Thị Cẩm Hà	Ngữ văn 8	Mỗi môn ra 1 đề
4	Huỳnh Ngọc Diễm	Ngữ văn 8	Ra 1 đề
5	Tạ Thu Thùy	Ngữ văn 7,	Mỗi môn ra 1 đề
6	Nông Thị Hạnh	Công nghệ 7	Ra 2 đề
7	Lê Ngọc Dung	Ngữ văn 6	Ra 1 đề
8	Nguyễn Thị Thương	Ngữ văn 7	Mỗi môn ra 1 đề
9	Võ Thị Quỳnh Thơm	GDDP 6	Ra 2 đề
10	Nguyễn Thanh Hải	Công nghệ 6	Ra 2 đề
11	Lê Thị Thương	Ngữ văn 6	Ra 1 đề
12	Phan Kim Nguyên	GDDP 8	Ra 2 đề
13	Lê Thị Phượng	Lịch sử 9	Ra 2 đề
14	Nguyễn Thị Hoa	Lịch sử và Địa lí 6	Ra 1 đề
15	Nguyễn Ngọc Thảo	Lịch sử và Địa lí 7	Ra 1 đề
		Địa lí 9	Ra 2 đề
16	Vương Thị Ngọc Ánh	Lịch sử và Địa lí 7	Ra 1 đề
17	Nguyễn Thị Ngọc Lua	Lịch sử và Địa lí 8	Ra 1 đề
18	Huỳnh Thị Diễm Hằng	Lịch sử và Địa lí 6	Ra 1 đề
		Lịch sử và Địa lí 8	Ra 1 đề
19	Hoàng Thanh Tú	GDCD 7,9	Mỗi môn ra 2 đề; HĐTN-HN 7 (ra 1 đề)
20	Trương Thị Cẩm Xuyên	GDCD 6,8	Mỗi môn ra 2 đề
21	Nguyễn Trần Tâm Đan	Tiếng anh 8 (tc) và (đt)	Tiếng anh 8 (tc) ra 2 đề và Tiếng anh 8 (đt) ra 1 đề
		Tiếng anh 9	Ra 1 đề
22	Nguyễn Thị Thùy	Tiếng anh 8	Ra 1 đề
		Tiếng anh 9	Ra 1 đề
23	Hồ Thị Quỳnh Nga	Tiếng anh 7, HĐTN-HN 7	Ra 1 đề
24	Nguyễn Thị Mai Trâm	Tiếng anh 7 (tc)	Ra 2 đề
		Tiếng anh 9	Ra 1 đề
25	Trần Anh Khoa	Tiếng anh 6	Ra 1 đề
		Tiếng anh 7	Ra 1 đề
26	Chu Thị Mỹ Kiều	Tiếng anh 6	Ra 1 đề
27	Lâm Văn Bạc	Âm nhạc 6,8	Mỗi môn ra 2 đề
28	Lê Thị Diệu Linh	Nghệ thuật 7	Mỗi môn ra 2 đề
27	Huỳnh Thị Thu Thùy	Mĩ thuật 8	Mỗi môn ra 2 đề

28	Nguyễn Thị Ngọc Nương	Mĩ thuật 6	Ra 2 đề
29	Lê Thanh Nhân	Toán 9	Ra 1 đề
30	Nguyễn Thu Ngân		Ra 1 đề
31	Vũ Thị Hương	Toán 8	Mỗi môn ra 1 đề
32	Trần Thị Hồng Trang	Toán 8, HĐTN-HN 8	Mỗi môn ra 1 đề
33	Nguyễn Công Bằng	Toán 7, HĐTN-HN 6	Ra 1 đề
34	Nguyễn Trần Trang Thi	Toán 7, HĐTN-HN 6	Mỗi môn ra 1 đề
35	Nguyễn Thị Phương	Toán 6, HĐTN-HN 7	Ra 1 đề
36	Nguyễn Thanh Hải	Toán 6	Ra 1 đề
37	Bồ Kim Nhi	HĐTN-HN 8	Ra 1 đề
38	Cao Hoàng Phúc	Tin học 7,8	Mỗi môn ra 2 đề
39	Nguyễn Hoàng An	Tin học 6, GDĐP 7	Mỗi môn ra 2 đề
40	Nguyễn Tăng Lâm	Vật lí 9	Ra 2 đề
41	Võ Trần Minh Luân	Công nghệ 9	Ra 2 đề
42	Nguyễn Thị Việt Trinh	Công nghệ 8	Ra 2 đề
43	Trần Hồng Thanh	KHTN 6	Ra 1 đề
44	Ngô Thị Ngọc Lan	Hoá học 9	Ra 2 đề
		KHTN 8	KHTN 8 ra 1 đề
45	Bồ Thị Mỹ Kiều	KHTN 8	Mỗi môn ra 1 đề
46	Nguyễn Thị Phương Anh	KHTN 7	Ra 1 đề
47	Trần Thị Phương Oanh	Sinh học 9	Ra 2 đề
48	Mai Thị Hoài Hương	KHTN 6,7; HĐTN-HN 6	Mỗi môn ra 1 đề
49	Phạm Thanh Nhon	TD 6,7	Mỗi môn ra 2 đề
50	Lê Đình Duyên	TD 9	Ra 2 đề
51	Nguyễn Tất Vững	TD 8	Ra 2 đề

Đề kiểm tra dựa trên ma trận, đặc tả của đề đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học qui định trong Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GDĐT ban hành.

3/. Phân công coi kiểm tra giữa kỳ 2: (danh sách kèm theo)

STT	Họ và Tên GV	Từ ngày 6/11 đến 10/11	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Giám thị	
2	Bùi Thị Thúy	Giám thị	
3	Nguyễn Thanh Hải (Văn)	Giám thị	
4	Tạ Thu Thủy	Giám thị	
5	Nông Thị Hạnh	Giám thị	
6	Nguyễn Thị Cẩm Hà	Giám thị	
7	Nguyễn Thị Thương	Giám thị	
8	Lê Ngọc Dung	Giám thị	
9	Lê Thị Thương	Giám thị	
10	Võ Thị Quỳnh Thơm	Giám thị	

11	Phan Kim Nguyên	Giám thị	
12	Lê Thị Phương	Giám thị	
13	Nguyễn Ngọc Thảo	Giám thị	
14	Huỳnh Thị Diễm Hằng	Giám thị	
15	Hoàng Thanh Tú	Giám thị	
16	Phạm Thị Mỹ Hằng	Giám thị	
17	Nguyễn Trần Tâm Đan	Giám thị	
18	Nguyễn Thị Thủy	Giám thị	
19	Hồ Thị Quỳnh Nga	Giám thị	
20	Nguyễn Thị Mai Trâm	Giám thị	
21	Chu Thị Mỹ Kiều	Giám thị	
22	Lâm Văn Bạc	Giám thị	
23	Lê Thị Diệu Linh	Giám thị	
24	Lê Thanh Nhân	Giám thị	
25	Nguyễn Thu Ngân	Giám thị	
26	Nguyễn Thị Phương	Giám thị	
27	Nguyễn Thanh Hải (Toán)	Giám thị	
28	Lê Công Bằng	Giám thị	
29	Vũ Thị Hương	Giám thị	
30	Trần Thị Hồng Trang	Giám thị	
31	Nguyễn Minh Tuấn	Giám thị	
32	Bồ Kim Nhi	Giám thị	
33	Cao Hoàng Phúc	Giám thị	
34	Nguyễn Hoàng An	Giám thị	
35	Nguyễn Tăng Lâm	Giám thị	
36	Nguyễn Thị Việt Trinh	Giám thị	
37	Bồ Thị Mỹ Kiều	Giám thị	
38	Trần Hồng Thanh	Giám thị	
39	Trần Thị Phương Oanh	Giám thị	
40	Phạm Thanh Nhơn	Giám thị	
41	Lê Đình Duyên	Giám thị	
42	Nguyễn Tất Vững	Giám thị	
43	Nguyễn Minh Sang	Giám thị	
44	Ngô Thị Ngọc Lan	Giám thị	
45	Huỳnh Ngọc Diễm	TKHĐ	
46	Lê Thanh Thủy	GTHĐ	
47	Ung Thị Bích Thuận	Tô đánh phách, cắt phách	
48	Nguyễn Trần Trang Thi	Tô đánh phách, cắt phách	

49	Mai Thị Hoài Hương	Tô đánh phách, cắt phách	
50	Nguyễn Thị Phương Anh	Tô đánh phách, cắt phách	
51	Lương Thị Thanh Thảo	Tô đánh phách, cắt phách	
50	Đỗ Thị Tuyết Mai	Tô đánh phách, cắt phách	

4/. Lịch kiểm tra:

- Từ ngày 11/03/2024 đến ngày 16/03/2024

+ Đối với khối 6,7,8: kiểm tra các môn Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp 6,7,8, Giáo dục địa phương (6,7,8)

+ Đối với khối 9: kiểm tra các môn Thể dục

- Từ ngày 18/03/2024 đến ngày 22/03/2024 kiểm tra các môn theo lịch sau:

+ Buổi sáng khối 6,9 (theo lịch cụ thể)

+ Buổi chiều khối 7,8 (theo lịch cụ thể)

Thời gian tập trung:

- Buổi sáng học sinh tập trung trước 6h30'

- Buổi chiều học sinh tập trung trước 12h30'

Trang phục:

- Học sinh mặc đồng phục theo quy định (quần tây, áo sơ mi trắng, đeo khăn quàng, phù hiệu và mang giày).

- Giáo viên: nữ (trang phục áo dài), nam (quần tây áo sơ mi)

Lớp 6 (buổi sáng)

TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề kiểm tra	Giờ phát đề
1	18/3/2024	Ngữ văn	90 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
2		Tin học (lý thuyết)	20 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
3	19/3/2024	Tiếng anh	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
4		GDCD	45 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
5	20/3/2024	KHTN	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
		Lịch sử và Địa lý	60 phút	8 giờ 30 phút	8 giờ 40 phút
6	21/3/2024	Toán	90 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
7		Công nghệ	45 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút

Lớp 7 (buổi chiều)

TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề kiểm tra	Giờ phát đề
1	18/3/2024	Ngữ văn	90 phút	12 giờ 50 phút	13 giờ 00 phút
2		Tin học (lý thuyết)	20 phút	15 giờ 00 phút	15 giờ 10 phút
3	19/3/2024	Toán	90 phút	12 giờ 50 phút	13 giờ 00 phút
4		GDCD	45 phút	15 giờ 00 phút	15 giờ 10 phút
5	20/3/2024	Tiếng anh	60 phút	12 giờ 50 phút	13 giờ 00 phút
		Lịch sử và Địa lý	60 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút
6	21/3/2024	KHTN	60 phút	12 giờ 50 phút	13 giờ 00 phút

7		Công nghệ	45 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút
---	--	-----------	---------	----------------	----------------

Lớp 8 (buổi chiều)

TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề kiểm tra	Giờ phát đề
1	18/3/2024	Ngữ văn	90 phút	12 giờ 50 phút	13 giờ 00 phút
2		Tin học (lý thuyết)	20 phút	15 giờ 00 phút	15 giờ 10 phút
3	19/3/2024	Toán	90 phút	12 giờ 50 phút	13 giờ 00 phút
4		GDCD	45 phút	15 giờ 00 phút	15 giờ 10 phút
5	20/3/2024	KHTN	60 phút	12 giờ 50 phút	13 giờ 00 phút
		Lịch sử và Địa lý	45 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút
6	21/3/2024	Tiếng anh	60 phút	12 giờ 50 phút	13 giờ 00 phút
7		Công nghệ	60 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút

Lớp 9 (buổi sáng)

TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề kiểm tra	Giờ phát đề
1	18/3/2024	Ngữ văn	90 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
2		Vật lý	60 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
3	19/3/2024	Địa lí	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
4		GDCD	45 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
5	20/3/2024	Toán	90 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
6		Hóa học	60 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
8	21/3/2024	Lịch sử	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
8		Công nghệ	45 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
9	22/3/2024	Tiếng anh	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
10		Sinh học	60 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút

5/. Tổ chức kiểm tra

- Hiệu trưởng ra Quyết định phân công coi, chấm kiểm tra giữa học kỳ II, phân công ra đề, duyệt đề.

- Sắp xếp bố trí phòng chấm kiểm tra giữa học kỳ II theo quy định.

6/. Phân công chấm kiểm tra: (danh sách kèm theo)

GVBM chấm kiểm tra giữa kỳ 2 theo môn của khối lớp mình đang dạy, đúng theo đáp án đề kiểm tra giữa kỳ 2. Nếu môn kiểm tra giữa kỳ 2 có 2 người dạy trở lên phải có biên bản thống nhất đáp án.

7/. Thời gian báo điểm, hạnh kiểm giữa kỳ 1 và điểm kiểm tra

- GVBM hoàn thành các cột điểm cho CSDL:

+ Các môn Tin học 6,7,8, Thẻ dực 9; Âm nhạc; Mỹ thuật; GDTC 6,7,8; Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp 6,7,8; Giáo dục địa phương 6,7,8 trước thứ 4 ngày 19/3.

+ Các môn còn lại hoàn thành nhập điểm trước 15h thứ ba ngày 25/3

- GVCN nhập Hạnh kiểm HS trước 21h ngày thứ ba ngày 25/3

9. Vào sổ điểm

- GV, TTDL rà soát kiểm tra lại việc nhập điểm – cộng điểm – xếp loại thật chính xác. In và giao bảng điểm lại cho GVCN, GVBM vào **thứ tư ngày 27/3**

- Thông báo kết quả: **tuần 1 tháng 04.**

10. Thời gian báo cáo thống kê chất lượng môn kiểm tra

- Bộ phận CSDL báo cáo về PGD ngày **thứ tư ngày 26/3/2024.**

- Lưu trữ hồ sơ tổ chức kiểm tra giữa kỳ 2:

Tính từ ngày kiểm tra môn cuối cùng của mỗi kỳ kiểm tra, trường lưu trữ hồ sơ trong 03 năm gồm:

+ Các quyết định tổ chức kỳ kiểm tra giữa kỳ 2, các loại biên bản, đề kiểm tra.

+ Bài kiểm tra giữa kỳ 2 của học sinh.

+ Đề kiểm tra và đáp án của tất cả các môn kiểm tra.

Trên đây là kế hoạch tổ chức thực hiện kỳ thi kiểm tra giữa kỳ 2 năm học 2023 - 2024. Các TTCM – GVCN – GVBM và các bộ phận có liên quan thực hiện nghiêm túc để hoàn thành kế hoạch.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (thay báo cáo);
- Các TTCM, GVBM, GVCN (thực hiện);
- Lưu: VT.



Đỗ Quốc Tiến

Phụ lục 1
*** MÔN: TOÁN**
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		
1	Chủ đề A	Nội dung 1 ...										
		Nội dung 2 ...										
		Nội dung 3...										
2	Chủ đề B											
...												
Tổng												
Tỉ lệ %			30-40%		30-40%		20-30%		10%		100	
Tỉ lệ chung			70%				30%				100	

Ghi chú:

- Cột 2 và cột 3 ghi tên chủ đề như trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán 2018, gồm các chủ đề đã dạy theo kế hoạch giáo dục tính đến thời điểm kiểm tra.
- Cột 12 ghi tổng % số điểm của mỗi chủ đề.
- Đề kiểm tra giữa học kì dành khoảng 10% -30% số điểm để kiểm tra, đánh giá phần nội dung của nửa đầu học kì.
- Tỉ lệ % số điểm của các chủ đề nên tương ứng với tỉ lệ thời lượng dạy học của các chủ đề đó.
- Tỉ lệ các mức độ đánh giá: Nhận biết khoảng từ 30-40%; Thông hiểu khoảng từ 30-40%; Vận dụng khoảng từ 20-30%; Vận dụng cao khoảng 10%.
- Tỉ lệ điểm trắc nghiệm khách quan (TNKQ) khoảng 30% từ 12-15 câu, mỗi câu khoảng 0,2 - 0,25 điểm, tự luận (TL) khoảng 70% từ 7-9 câu, mỗi câu khoảng 0,5 -1,0 điểm.

Phụ lục 2
*** MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		
1	Nội dung A	Đơn vị kiến thức 1 ...										
		Đơn vị kiến thức 2 ...										
		...										
2	Nội dung B	Đơn vị kiến thức 1 ...										
		Đơn vị kiến thức 2 ...										
		...										
...											
Tổng												
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%	10%	10%	10%	100%		
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%	

- Tỉ lệ điểm trắc nghiệm khách quan (TNKQ) khoảng 70%, tự luận (TL) khoảng 30%.

Phụ lục 3
MÔN: NGỮ VĂN
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	T L	TNK Q	TL	
1	Đọc hiểu	Nội dung 1...									60
		Nội dung 2...	3	0	5	0	0	2	0		
		Nội dung 3...									
		Nội dung ...									
2	Viết	Nội dung 1...									40
		Nội dung 2...	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	
		Nội dung 3...									
		Nội dung ...									
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

- Tỉ lệ điểm trắc nghiệm khách quan (TNKQ) khoảng 40%, tự luận (TL) khoảng 60%.

* **Chú thích:** Kỹ năng Viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ sẽ được thể hiện cụ thể ở Hướng dẫn chấm.

Phụ lục 4
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Phân môn Địa lí											
1	Chủ đề A	Nội dung 1:									
		Nội dung 2.									
										
2	Chủ đề B										
3										
Tỉ lệ			20%		15%		10%		5%		
Phân môn Lịch sử											
1	Chủ đề A	Nội dung 1:									
		Nội dung 2.									
										
2	Chủ đề B										
3										
Tỉ lệ			20%		15%		10%		5%		
Tổng hợp chung			40%		30%		20%		10%		100%

Phụ lục 5
MÔN: TIẾNG ANH
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
THỜI GIAN LÀM BÀI: 60-90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)
1	Listening (nghe)	10	4 - 6	10	6 - 8	5	3 - 6			25	13 - 20
2	Language (ngôn ngữ)	10	3 - 6	10	5 - 6	5	3 - 6			25	11 - 18
3	Reading (đọc)	15	8 - 12	5	5 - 6	5	5 - 7			25	18 - 25
4	Writing (viết)	5	5 - 6	5	4 - 5	5	4 - 6	10	5 - 10	25	18 - 27
Tổng		40	20 - 30	30	20 - 25	20	15 - 25	10	5 - 10	100	60 - 90
Tỉ lệ (%)		40%		30%		20%		10%			
Tỉ lệ chung (%)		70%				30%				100%	

Lưu ý:

- Thời gian mang tính đề xuất, giáo viên ra đề tham khảo để lựa chọn số câu hỏi cho phù hợp với thời gian ấn định của bài kiểm tra.
- Tỉ lệ mức độ nhận thức mang tính đề xuất.
- Tỉ lệ giữa các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ có thể điều chỉnh trong khoảng 5%.
- Tỉ lệ được tính dựa trên điểm số, không tính trên số lượng câu hỏi.
- Tỉ lệ giữa câu trắc nghiệm khách quan và câu tự luận là tương đối, có thể điều chỉnh theo điều kiện thực tế.

Phụ lục 6
MÔN: TIN HỌC
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	
1	Chủ đề	1:									
		2:									
2	Chủ đề	1:									
		2:									
3	Chủ đề	1:									
		2:									
Tổng											
Tỉ lệ %				40%		30%		20%		10%	100%
Tỉ lệ chung				70%			30%			100%	

Chú ý:

- Các câu hỏi mức độ nhận biết, thông hiểu là câu hỏi TNKQ 4 lựa chọn, trong đó có 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (tự luận/thực hành), ưu tiên kiểm tra thực hành trên phòng máy.

QTA
 KINH
 NGH
 SỞ
 PHỤ
 *

Phụ lục 7
MÔN: CÔNG NGHỆ
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Nội dung A	Đơn vị kiến thức 1:.....												
		Đơn vị kiến thức 2:.....												
2	Nội dung B	Đơn vị kiến thức 1:.....												
		Đơn vị kiến thức 2:.....												
3	Nội dung C	Đơn vị kiến thức 1:.....												
		Đơn vị kiến thức 2:.....												
Tổng														
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%								100
Tỉ lệ chung			70%				30%							

Ghi chú:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm mức độ nhận biết là 0,25 điểm; mức độ thông hiểu là 0,5 điểm; số điểm của câu tự luận ở mức vận dụng thấp: 2 điểm, ở mức vận dụng cao: 1 điểm.
- Thời lượng tính cho 1 câu trắc nghiệm mức độ nhận biết là 0,75 phút; mức độ thông hiểu là 3,0 phút; thời lượng tính cho câu hỏi mức vận dụng là 10 phút, mức vận dụng cao là 5 phút.

Phụ lục 8
MÔN: GDCD
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Mạch nội dung	Nội dung/chủ đề/bài học	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Câu TN	Câu TL	Tổng điểm
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL			
1	Mạch nội dung 1	Nội dung 1:											
		Nội dung 2.											
												
2	Mạch nội dung 2												
3												
Tổng câu													
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		100		
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%		

